

Thứ ba, ngày 7 tháng 7 năm 2020

Vietnam Daily Review

VNIndex gặp cản tại 870 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 08/07/2020		•	
Tuần 6/7-10/7/2020		•	
Tháng 7/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trạng thái lạc quan của thị trường đang được duy trì khi VNIndex tiếp tục mở cửa trong sắc xanh và nới rộng dần đà tăng trong phiên sáng. Tuy nhiên, áp lực chốt lời ngắn hạn tại ngưỡng 870 điểm đã xuất hiện trong phiên chiều và khiến chỉ số đóng cửa không cách quá xa mốc tham chiếu. Dòng tiền đầu tư có sự sụt giảm so với phiên hôm trước khi chỉ còn có 11/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại tiếp tục có phiên mua ròng trên sàn HSX nhưng vẫn bán ròng trên sàn HNX. Thanh khoản thị trường tiếp tục được cải thiện, độ rộng thị trường ở trạng thái cân bằng cho thấy đà tăng hiện tại cần thêm nhiều động lực hơn để có thể duy trì bền vững. VN-Index nhiều khả năng sẽ dao động trong khu vực 850- 870 điểm trước khi có sự rõ ràng hơn trong xu hướng.

Hợp đồng tương lai: Ngoại trừ VN30F2012, các HĐTL đều giảm trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 770 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 7/7/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch tiếp tục tăng mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Lãi suất giảm_1.1%

Phân tích kỹ thuật: HDG_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index +2.26 điểm, đóng cửa 863.42. HNX-Index +0.64 điểm, đóng cửa 113.71.
- Kéo chỉ số tăng: SAB (+0.86); HPG (+0.6); BID (+0.58); VCB (+0.53); CTG (+0.43).
- Kéo chỉ số giảm: VIC (-0.38); GVR (-0.28); VNM (-0.25); VPB (-0.21); MSN (-0.2).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 4,557 tỷ đồng, +36.64% so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 7.21 điểm. Thị trường có 185 mã tăng, 60 mã tham chiếu và 192 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 61.26 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm PLX (89.5 tỷ), VRE (37.6 tỷ) và HPG (18 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -4.23 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX 863.42

Giá trị: 4557.24 tỷ 2.26 (0.26%)

Khối ngoại (ròng): 61.26 tỷ

HNX-INDEX 113.71

Giá trị: 623.32 tỷ 0.64 (0.57%)

Khối ngoại (ròng): -4.23 tỷ

UPCOM-INDEX 56.35

Giá trị: 0.23 tỷ -0.13 (-0.23%)

Khối ngoại (ròng): -5.09 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	40.3	-0.84%
Giá vàng	1,778	-0.36%
Tỷ giá USD/VND	23,195	0.01%
Tỷ giá EUR/VND	26,275	0.55%
Tỷ giá JPY/VND	21,536	-0.28%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	32.62%
LS TPCP 5 năm	2.0%	-0.96%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
PLX	89.5	HDG	27.2
VRE	37.6	VCB	17.1
HPG	18.0	GAS	13.5
VHM	17.4	DHC	11.8
CTG	15.8	DBC	11.4

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật Hiệu suất Danh mục i-Invest

BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review
7/7/2020

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Lãi suất giảm_1.1%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	10/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Lãi suất giảm	1.1%	1.5%	6.9%	6.9%	6.9%	3.7%	19.7%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.9%	2.2%	4.9%	4.9%	4.9%	-1.3%	22.3%
Đầu tư công	0.8%	1.7%	5.0%	5.0%	5.0%	-1.0%	20.4%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.8%	2.1%	4.4%	4.4%	4.4%	-12.0%	21.6%
Ngân Hàng	0.6%	2.4%	4.8%	4.8%	4.8%	-4.3%	23.3%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.5%	0.9%	2.8%	2.8%	2.8%	7.3%	15.8%
Stay-at-home	0.5%	0.8%	4.8%	4.8%	4.8%	9.6%	17.8%
Vật liệu Xây dựng	0.4%	-0.2%	4.2%	4.2%	4.2%	2.1%	20.8%
Corona Avengers	0.4%	1.7%	3.5%	3.5%	3.5%	-1.3%	22.1%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.4%	2.0%	4.4%	4.4%	4.4%	-8.4%	18.1%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.3%	1.6%	4.7%	4.7%	4.7%	-14.0%	16.8%
FTSE Việt Nam	0.3%	2.1%	4.4%	4.4%	4.4%	-6.9%	17.1%
Nước & Năng lượng	0.2%	1.3%	4.0%	4.0%	4.0%	-6.9%	16.9%
BDS & Khu công nghiệp	0.2%	1.8%	4.0%	4.0%	4.0%	-5.8%	17.8%
Chiến tranh thương mại	0.2%	0.8%	2.6%	2.6%	2.6%	-9.8%	18.7%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.2%	2.0%	5.0%	5.0%	5.0%	-8.2%	16.1%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.2%	2.2%	5.0%	5.0%	5.0%	-6.6%	21.4%
VN Diamond	0.2%	1.8%	4.2%	4.2%	4.2%	-13.3%	19.7%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.2%	1.8%	4.1%	4.1%	4.1%	-11.2%	19.6%
Xây dựng	0.1%	0.5%	5.5%	5.5%	5.5%	-2.4%	19.5%
VN FinSelect	0.0%	1.9%	4.5%	4.5%	4.5%	-6.4%	19.9%
Hàng tiêu dùng	0.0%	0.9%	5.6%	5.6%	5.6%	1.7%	20.0%
Bất động sản Khu công nghiệp	-0.1%	0.5%	5.2%	5.2%	5.2%	6.0%	26.2%
Dầu khí	-0.6%	0.9%	2.5%	2.5%	2.5%	-21.7%	25.3%
Ngành Dược	-0.9%	0.1%	1.8%	1.8%	1.8%	-6.7%	18.3%
Mục tiêu	6/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L22	1.1%	1.6%	4.0%	4.0%	4.0%	-6.5%	20.0%
M22	0.8%	1.5%	3.6%	3.6%	3.6%	-2.1%	19.0%
S21	0.8%	1.6%	3.5%	3.5%	3.5%	-8.9%	20.1%
M31	0.5%	2.5%	4.5%	4.5%	4.5%	-7.2%	21.3%
M12	0.5%	1.4%	3.1%	3.1%	3.1%	-7.0%	20.0%
S11	0.4%	1.3%	3.6%	3.6%	3.6%	1.5%	18.8%
L11	0.0%	1.1%	3.5%	3.5%	3.5%	-7.0%	17.7%
S32	-0.1%	1.4%	3.7%	3.7%	3.7%	-15.4%	22.6%
L32	-0.3%	0.9%	3.6%	3.6%	3.6%	-8.5%	
Khẩu vị Rủi ro	2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	0.7%	1.8%	4.6%	4.6%	4.6%	-0.4%	19.4%
MID1	0.4%	0.4%	5.0%	5.0%	5.0%	5.4%	17.6%
LOW1	0.2%	1.1%	3.0%	3.0%	3.0%	-5.3%	17.3%
INDEX							
VNINDEX	0.3%	1.9%	4.6%	4.6%	4.6%	-10.2%	17.0%
VN30INDEX	0.3%	2.0%	4.6%	4.6%	4.6%	-8.3%	17.6%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	10	15	7	18	11	14
Mục tiêu	9	6	3	1	8	0	9
Rủi ro	3	2	1	0	3	1	2

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

HDG_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm dưới đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: HDG vừa có phiên hồi phục khá tích cực sau chạm ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 19.0 Thanh khoản cổ phiếu tăng mạnh trong phiên hồi phục hôm nay, đồng thuận với đà tăng của bước giá. Chỉ báo RSI báo hiệu nhịp tăng giá ngắn hạn trong khi chỉ báo MACD đã cho thấy tín hiệu tích cực. Đường giá cổ phiếu cũng đã chạm lại dải mây Ichimoku, cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn sắp hình thành. Như vậy, nhà đầu tư có thể mở vị thế tại vùng giá 20-21 và có thể cân nhắc chốt lãi tại ngưỡng kháng cự 26.0 trong các phiên giao dịch tới. Cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 19.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_Tín hiệu tích cực	Link
PC1_Tăng giá	Link
CTI_Xu hướng tăng	Link
VNM_Hưng phấn	Link
GVR_Tín hiệu tích cực	Link

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 7/7

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	40.44	-0.47%	1.90%	7.20%	-27.41%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	42.88	-0.51%	3.90%	1.10%	-29.76%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	123.82	-0.21%	4.20%	6.50%	-29.75%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1784.49	-0.01%	0.20%	5.90%	25.19%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	18.30	0.12%	0.50%	5.10%	12.94%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	907.50	0.14%	5.30%	3.50%	-3.10%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	Ngày 04/07/2020	491.75	-0.30%	1.10%	-6.80%	-10.14%		AFX
Sữa	USD /cwt	23.36	0.47%	5.20%	23.00%	37.01%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	146.80	0.59%	2.50%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	11.93	-2.53%	2.70%	2.00%	-12.86%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	98.15	-4.89%	1.60%	-2.40%	-20.59%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6128.50	1.85%	2.80%	10.80%	4.01%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	519.12	0.81%	2.80%	1.50%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1634.50	1.27%	1.60%	4.10%	-9.65%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	109.34	2.76%	3.80%	3.30%	n/a	HSG, HPG	
Than đá	USD/ton	56.90	1.79%	2.70%	0.00%	-29.23%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên 6/7, giá dầu Brent tăng 30 US cent lên 43,10 USD/thùng. Dầu WTI đóng cửa giảm 2 US cent xuống 40,63 USD/thùng.
- Giá dầu đóng cửa phiên qua trái chiều khi số liệu kinh tế tích cực hỗ trợ giá, nhưng số ca nhiễm virus corona tăng vọt tại Mỹ có thể hạn chế nhu cầu nhiên liệu gây áp lực lên giá.
- Biên độ dao động của dầu thô Brent đã giảm xuống mức thấp nhất kể từ khi giá bắt đầu giảm trong tháng 3 và do các thị trường vẫn tập trung vào nguồn cung đang thắt chặt. Sản lượng của tổ chức OPEC đã giảm xuống mức thấp nhất trong hàng thập kỷ. OPEC và các nhà sản xuất khác gồm Nga, gọi là OPEC+ đã đồng ý giảm sản lượng kỷ lục 9,7 triệu thùng/ngày trong tháng 7.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0,5% lên 1.783,75 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 8 của Mỹ chốt phiên tăng 0,2% lên 1.793,5 USD/ounce.
- Giá vàng hướng tới mức cao nhất trong gần 8 năm do lo sợ kéo dài về số ca nhiễm virus corona mặc dù chứng khoán mạnh hơn và số liệu lĩnh vực dịch vụ của Mỹ tích cực.
- Vàng đã tăng 17,5% từ đầu năm tới nay, thúc đẩy bởi các biện pháp kích thích kinh tế và giảm lãi suất của các ngân hàng trung ương.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt phục hồi sau khi giảm trong đầu phiên giao dịch, theo xu hướng gia tăng của chứng khoán Trung Quốc, đã tăng vọt lên mức cao nhất 5 năm do hy vọng phục hồi kinh tế nhanh chóng tại nước tiêu thụ kim loại hàng đầu thế giới này. Quặng sắt Đại Liên đóng cửa tăng 0,9% lên 750,5 CNY (106,7 USD)/tấn, và tăng 0,6% trên sàn giao dịch Singapore.
- Giá quặng sắt được dự kiến đạt trung bình 79 USD/tấn, FOB Australia, trong năm nay và 65 USD trong năm tới do nguồn cung có thể tăng.
- Thép cây trên sàn giao dịch kỳ hạn Thượng Hải tăng 0,4%, trong khi thép cuộn cán nóng tăng 0,2%, thép không gỉ giảm 0,1%.

Giá cao su

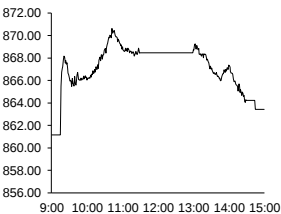
- Giá cao su trên sàn giao dịch Tokyo (TOCOM) đạt cao nhất 10 phiên trong ngày hôm qua, theo xu hướng giá cao su Thượng Hải tăng, do các nhà đầu tư đặt cược sự phục hồi nhanh chóng của nền kinh tế Trung Quốc.
- Hợp đồng cao su TOCOM kỳ hạn tháng 12 đóng cửa tăng 1,2 JPY lên 156,8 JPY (1,5 USD)/kg, sau khi đạt mức cao nhất kể từ ngày 26/6 trong phiên trước. Hợp đồng cao su kỳ hạn tháng 9 tăng 195 CNY lên 10.610 CNY (1.508 USD)/tấn, đóng cửa cao nhất kể từ ngày 11/6.
- Giá cao su Thượng Hải được thúc đẩy bởi chứng khoán Trung Quốc tăng do Bắc Kinh tiếp tục cải cách các thị trường vốn và thanh khoản dồi dào đã nuôi hy vọng cho sự phục hồi kinh tế nhanh chóng, bù đắp những lo ngại về sự gia tăng các trường hợp virus corona toàn cầu.

Giá nông sản

- Đường thô kỳ hạn tháng 10 đóng cửa giảm 0,31 US cent hay 2,5% xuống 11,93 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 8 đã giảm 2,7 USD hay 0,8% xuống 348,3 USD/tấn.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 9 đóng cửa giảm 5,05 US cent hay 4,9% xuống 98,15 US cent/lb, sau khi đạt cao nhất hơn một tháng trong tuần trước. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 9 chốt phiên giảm 24 USD hay 2,0% xuống 1.175 USD/tấn.

Hình 1

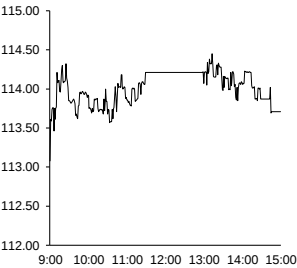
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

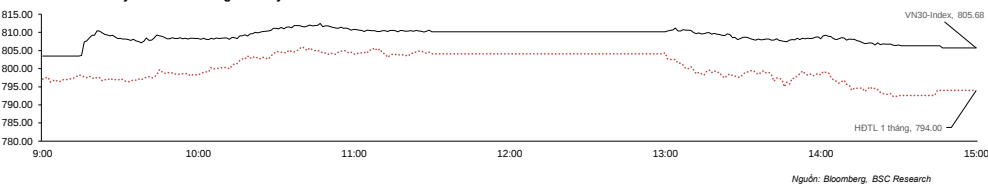
Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	-7.41%
Hóa chất	-1.35%
Ô tô và phụ tùng	-0.33%
Truyền thông	-0.30%
Dịch vụ tài chính	-0.25%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.06%
Bất động sản	-0.06%
Y tế	0.00%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.04%
Xây dựng và Vật liệu	0.04%
Bán lẻ	0.07%
Dầu khí	0.25%
Thực phẩm và đồ uống	0.34%
Bảo hiểm	0.55%
Du lịch và Giải trí	0.56%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.60%
Ngân hàng	0.61%
Công nghệ Thông tin	1.17%
Tài nguyên Cơ bản	1.96%

Nguồn: FinPro

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4 Hợp đồng tương lai							
CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2007	794.00	-0.54%	-11.68	50.6%	192.970	7/16/2020	11
VN30F2008	788.00	-0.19%	-17.68	56.3%	1,049	8/20/2020	46
VN30F2009	780.10	-0.23%	-25.58	11.7%	162	9/17/2020	74
VN30F2012	776.90	0.01%	-28.78	-34.0%	97	12/17/2020	165

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng 2.22 điểm, lên mức 805.68 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, FPT, SAB, CTG, VCB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 tăng tích cực trong phiên sáng lên trên 810 điểm. Sang phiên chiều, VN30 thu hẹp biên độ tăng, chốt phiên quanh 805 điểm. Thanh khoản tăng, VN30 có thể tiến lên 820 điểm trong những phiên tiếp theo.

• Ngoại trừ VN30F2012, các HĐTL đều giảm trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2007 và VN30F2012 đang tăng, trong khi VN30F2008 và VN30F2009 đang giảm. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm kéo dài. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 770 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CHPG2005	VND	10/1/2020	86	1:1	292.530	353.2%	2.0 triệu	36.55%	2.100	10.150	18.02%	9.576	1.06
CHPG2007	KIS	7/16/2020	9	1:1	37.010	81.0%	2.5 triệu	36.55%	1.660	5.350	16.30%	5.378	0.99
CHPG2008	SSI	11/30/2020	146	1:1	44.580	143.6%	5.0 triệu	36.55%	4.100	3.760	10.59%	3.030	1.24
CHPG2009	HSC	10/29/2020	114	2:1	189.890	619.3%	5.0 triệu	36.55%	1.600	3.530	9.97%	3.233	1.09
CHPG2002	KIS	12/16/2020	162	2:1	558.060	837.4%	3.0 triệu	36.55%	1.700	1.870	8.72%	1.157	1.62
CFPT2004	SSI	8/10/2020	34	10:1	36.110	38.7%	2.0 triệu	32.22%	5.100	6.670	8.28%	964	6.92
CFPT2003	SSI	11/9/2020	125	1:1	36.620	58.7%	2.0 triệu	32.22%	7.300	9.520	6.61%	2.824	3.37
CVRE2005	SSI	11/30/2020	146	1:1	55.800	251.4%	1.5 triệu	44.11%	4.000	3.350	4.36%	3.035	1.10
CPNJ2002	VND	10/1/2020	86	2:1	127.710	-55.4%	1.0 triệu	36.59%	2.400	2.210	4.25%	702	3.15
CVNM2004	SSI	11/30/2020	146	1:1	18.100	20.6%	2.0 triệu	31.51%	17.500	15.350	3.86%	9.309	1.65
CCTD2001	KIS	12/16/2020	162	10:1	91.470	-3.7%	1.0 triệu	55.20%	1.540	2.080	3.48%	1.184	1.76
CTCB2004	MBS	8/18/2020	42	2:1	142.680	-2.0%	2.0 triệu	36.47%	1.050	1.830	1.67%	1.708	1.07
CMWG2007	SSI	11/30/2020	146	1:1	16.860	182.4%	2.0 triệu	39.82%	12.900	9.580	0.10%	7.665	1.25
CVHM2001	KIS	12/16/2020	162	5:1	121.240	N/A	2.0 triệu	37.33%	3.100	1.660	-2.35%	786	2.11
CVHM2003	HSC	10/29/2020	114	10:1	194.640	-46.8%	5.0 triệu	37.33%	1.000	1.600	-2.44%	1.384	1.16
CSTB2002	KIS	12/16/2020	162	1:1	191.220	85.3%	3.0 triệu	41.63%	1.700	1.880	-3.09%	1.181	1.59
CSTB2003	KIS	9/16/2020	71	1:1	218.030	254.3%	3.0 triệu	41.63%	1.360	1.530	-4.38%	1.061	1.44
CDPM2002	KIS	12/16/2020	162	1:1	71.970	95.3%	2.0 triệu	40.84%	1.700	2.310	-4.55%	1.309	1.76
CDPM2002	SSI	11/30/2020	146	5:1	22.260	203.3%	1.5 triệu	37.33%	11.500	12.360	-6.15%	10.265	1.20
CVPB2007	HSC	10/29/2020	114	2:1	200.970	333.9%	5.0 triệu	44.88%	1.700	1.080	-10.00%	981	1.10
Tổng:					2,375,220		50.50 triệu	38.59%**					

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi

Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 7/7/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch tiếp tục tăng mạnh.

• Về giá, CHPG2005 và CHPG2007 tăng mạnh lần lượt là 18.02% và 16.30%. Trái lại, CVPB2007 giảm mạnh -10.00%. Giá trị giao dịch tăng 44.20%. CHPG2005 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 24.84% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là HPG, TCB và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh

vinhtr@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	28.35	2.72	1.63
FPT	47.45	1.39	0.53
SAB	185.10	2.55	0.43
CTG	23.45	1.74	0.39
VCB	83.40	0.60	0.27

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	21.7	-1.36	-0.67
VNM	116.0	-0.43	-0.37
MSN	57.0	-1.04	-0.37
VIC	91.0	-0.44	-0.25
STB	11.5	-0.87	-0.24

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2005	21.100	19.000	28.350
CHPG2007	24.659	22.999	28.350
CHPG2008	32.100	28.000	28.350
CHPG2009	25.700	22.500	28.350
CHPG2002	33.399	29.999	28.350
CFPT2004	55.100	50.000	47.450
CFPT2003	57.300	50.000	47.450
CVRE2005	32.000	28.000	27.450
CPNJ2002	73.800	69.000	59.400
CVNM2004	133.973	116.473	116.000
CCTD2001	96.288	80.888	79.700
CTCB2004	19.100	17.000	20.250
CMWG2007	99.900	87.000	83.700
CVHM2001	110.067	94.567	80.800
CVHM2003	80.000	70.000	80.800
CSTB2002	13.588	11.888	11.450
CSTB2003	12.471	11.111	11.450
CDPM2002	16.952	15.252	14.350
CVHM2002	88.500	77.000	80.800
CVPB2007	25.900	22.500	21.700

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	83.7	0.2%	1.2	1,648	2.3	8,808	9.5	2.8	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	59.4	-0.2%	1.3	581	1.0	5,248	11.3	2.7	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	47.2	0.4%	1.3	1,523	1.1	1,307	36.1	1.8	28.2%	5.3%
PVI	Bảo hiểm	30.3	1.0%	0.4	294	0.0	2,056	14.7	1.0	54.4%	6.8%
VIC	Bất động sản	91.0	-0.4%	0.8	13,383	1.3	2,095	43.4	3.8	13.9%	10.6%
VRE	Bất động sản	27.5	1.3%	1.1	2,712	5.2	1,226	22.4	2.3	30.8%	10.3%
NVL	Bất động sản	64.5	0.5%	0.8	2,719	3.7	3,584	18.0	2.8	6.1%	16.3%
REE	Bất động sản	31.9	-0.3%	0.8	429	0.3	4,976	6.4	1.0	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	11.5	-1.7%	1.3	259	2.0	2,289	5.0	0.9	40.9%	15.9%
SSI	Chứng khoán	15.6	-0.3%	1.3	406	3.3	1,415	11.0	0.9	49.7%	7.8%
VCI	Chứng khoán	22.9	0.2%	1.0	164	0.9	4,240	5.4	0.9	27.7%	18.0%
HCM	Chứng khoán	19.3	-1.0%	1.8	256	1.7	1,480	13.0	1.3	52.2%	12.0%
FPT	Công nghệ	47.5	1.4%	0.8	1,617	5.7	4,804	9.9	2.2	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	49.7	-0.2%	0.4	538	0.0	4,812	10.3	2.6	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	72.4	0.0%	1.5	6,025	2.6	5,820	12.4	2.7	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	46.5	0.2%	1.5	2,408	1.2	869	53.5	2.9	14.3%	5.7%
PVS	Dầu khí	12.4	0.0%	1.6	258	1.8	1,238	10.0	0.5	11.6%	4.8%
BSR	Dầu khí	7.0	-1.4%	0.8	944	0.5	898	7.8	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	93.4	0.8%	0.5	531	0.1	5,046	18.5	3.5	54.5%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.4	-1.4%	0.4	244	1.4	1,006	14.3	0.7	11.4%	5.4%
DCM	Hóa chất	8.8	0.3%	0.4	203	0.7	415	21.2	0.8	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	83.4	0.6%	1.2	13,449	4.9	4,848	17.2	3.6	23.8%	22.8%
BID	Ngân hàng	40.6	1.2%	1.4	7,100	1.9	2,140	19.0	2.1	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	23.5	1.7%	1.2	3,796	6.8	2,510	9.3	1.1	29.9%	12.6%
VPB	Ngân hàng	21.7	-1.4%	1.2	2,300	1.9	3,750	5.8	1.2	23.4%	22.7%
MBB	Ngân hàng	17.1	0.6%	1.0	1,793	2.7	3,398	5.0	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	23.7	0.4%	0.9	1,713	2.5	3,780	6.3	1.3	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	54.2	0.0%	0.9	193	0.5	5,303	10.2	1.7	81.5%	17.0%
NTP	Nhựa	32.0	-0.6%	0.4	164	0.0	4,208	7.6	1.2	18.9%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.1	0.0%	0.4	649	0.0	356	42.4	1.2	1.9%	2.9%
HPG	Thép	28.4	2.7%	1.1	3,403	34.6	2,764	10.3	1.6	36.2%	17.4%
HSG	Thép	11.8	-0.8%	1.5	228	7.3	1,493	7.9	0.9	11.8%	11.4%
VNM	Tiêu dùng	116.0	-0.4%	0.7	8,783	5.2	5,453	21.3	6.7	58.7%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	185.1	2.5%	0.8	5,161	2.0	6,719	27.5	6.9	63.4%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	57.0	-1.0%	1.0	2,897	2.4	3,961	14.4	1.6	38.9%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	14.3	0.0%	0.7	365	1.9	171	83.8	1.2	5.6%	1.5%
ACV	Vận tải	58.9	-0.8%	0.8	5,575	0.4	3,450	17.1	3.5	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	108.3	0.6%	1.1	2,467	1.7	7,110	15.2	3.8	18.1%	26.3%
HVN	Vận tải	26.3	1.0%	1.7	1,619	0.5	1,654	15.9	2.1	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	19.2	0.0%	0.9	247	0.1	1,583	12.1	0.9	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	10.5	-0.5%	1.1	128	0.6	2,117	4.9	0.7	24.8%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	62.2	0.3%	1.0	420	0.3	9,201	6.8	2.9	2.8%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.5	-5.1%	0.7	379	0.4	1,453	13.4	1.3	10.0%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.9	1.5%	1.0	230	0.1	1,938	7.1	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	79.7	1.9%	1.0	264	3.1	8,032	9.9	0.7	46.1%	7.3%
VCG	Xây dựng	26.5	-0.7%	0.3	509	0.2	1,498	17.7	1.7	0.4%	10.0%
CII	Xây dựng	18.2	-1.6%	0.3	189	0.9	1,775	10.3	0.8	38.4%	8.5%
POW	Điện	9.9	-0.9%	0.6	1,008	1.3	1,028	9.6	0.9	11.4%	9.4%
NT2	Điện	22.4	-0.2%	0.5	280	0.4	2,543	8.8	1.5	18.1%	18.1%

Thông kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAB	185.10	2.55	0.84	244640.00
HPG	28.35	2.72	0.59	28.05MLN
BID	40.60	1.25	0.57	1.10MLN
VCB	83.40	0.60	0.53	1.34MLN
CTG	23.45	1.74	0.43	6.66MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	Ngày 04/07/20	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-0.39	336860.00	1.11MLN
GVR	0.00	-0.29	1.01MLN	607060.00
VNM	0.00	-0.25	1.02MLN	373600.00
VPB	0.00	-0.21	2.03MLN	192700.00
MSN	0.00	-0.20	959250.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SJF	2.30	6.98	0.00	1.33MLN
DAT	16.20	6.93	0.01	10.00
DTL	10.80	6.93	0.01	1150.00
TEG	5.13	6.88	0.00	13880.00
GMC	19.45	6.87	0.01	44670.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
YBM	4.16	-6.94	0.00	16450.00
TNI	4.70	-6.93	-0.01	6.92MLN
DAH	13.60	-6.85	-0.01	11490.00
SVT	20.40	-6.85	-0.01	200.00
VPS	8.48	-6.81	0.00	3760.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	13.10	1.55	0.26	2.59MLN
ACB	23.70	0.42	0.16	2.39MLN
NVB	9.00	1.12	0.04	2.60MLN
SHS	12.80	0.79	0.02	1.79MLN
L14	66.20	1.53	0.01	28100.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DGC	40.30	-1.23	-0.04	149900.00
DNP	16.50	-2.94	-0.03	100.00
KLF	1.90	-5.00	-0.02	655500.00
CEO	7.80	-1.27	-0.01	1.49MLN
VCG	26.50	-0.75	-0.01	149300.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

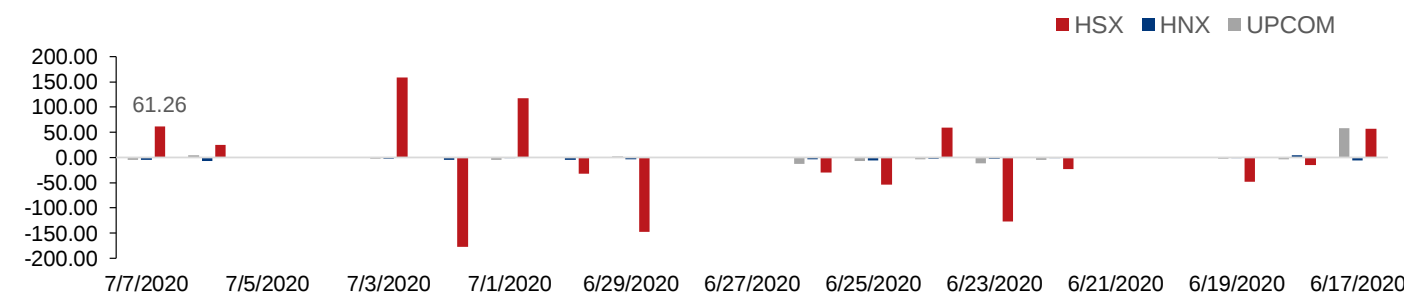
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.60	20.0	0.00	219100.00
HBE	8.80	10.0	0.00	4200.00
MDC	6.80	9.7	0.00	200.00
TMX	14.00	9.4	0.00	100.00
SPI	1.20	9.1	0.00	157700.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.60	-14.29	-0.01	526600.00
BII	0.70	-12.50	0.00	178700.00
PPY	21.60	-11.84	0.00	1400.00
CJC	14.40	-10.00	0.00	100.00
NHC	27.00	-9.70	0.00	100.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

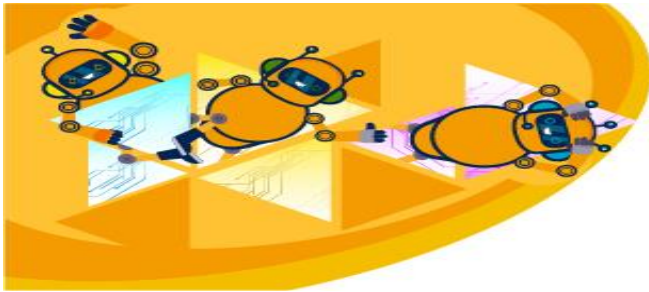
Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
4	BSC_Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
8	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
12	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
13	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
18	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
19	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
20	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại		P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/2020	63.9	70.8	57.0	3,961	14.4	1.6	Click
2	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/2020	38.9	43.2	40.3	4,717	8.5	1.5	Click
3	HSG	VLXD	Mua	2/6/2020	10.1	12.4	11.8	1,493	7.9	0.9	Click
4	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/05/202	40.0	44.2	43.5	5,479	7.9	2.2	Click
5	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	19.7	1,140	17.3	1.6	Click
6	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	28.4	2,764	10.3	1.6	Click
7	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	20.3	2,987	6.8	1.1	Click
8	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	59.4	5,248	11.3	2.7	Click
9	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	137.0	5,718	24.0	8.4	Click
10	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	11.5	2,289	5.0	0.9	Click
11	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	16.2	1,496	10.8	1.0	Click
12	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	20.6	7,637	2.7	0.9	Click
13	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	21.4	5,311	4.0	1.0	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	41.9		9.4	1.8	Click
15	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	83.4	4,848	17.2	3.6	Click
16	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	23.7	3,780	6.3	1.3	Click
17	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	36.1	6,553	5.5	1.3	Click
18	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	53.0	3,887	13.6	2.7	Click
19	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	47.5	4,804	9.9	2.2	Click
20	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	19.2	1,583	12.1	0.9	Click

8



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gói báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express CTD 2020Q3	7/1/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 100835 ; Giá tại Publish 74400 Dự báo KQKD: BSC dự báo KQKD CTD 2020 với DT và LNST ước đạt lần lượt là 16,846 tỷ đồng (-29% YoY) và 611 tỷ đồng (-14% YoY), tương đương EPS fw là 7,432 đ/cp - PE fw = 10x; BVPS fw=118,629 đ/cp - PB fw= 0.63x.
Express C4G 2020Q2	6/29/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7200 Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: Kế hoạch DT và LNST lần lượt 3,050 tỷ (+30% YoY) và 200 tỷ (+116% YoY), tổng sản lượng là 3,000 tỷ đồng. C4G chia cổ tức năm 2020 là 15%. Cập nhật KQKD: Lũy kế tới tháng 6, tổng dự án đang có của C4G đạt 5,200 tỷ đồng bao gồm cả ký mới trong 2020, trong đó một số dự án trọng điểm triển khai trong năm nay bao gồm: Đường Vành đai phía Tây 2 TP Đà Nẵng – Gói thầu 06OFID.EX, Cao tốc Bắc nam đoạn Cam Lộ - La Sơn – Gói thầu số 9, Hầm chui Nguyễn Bỉnh Khiêm – Gói thầu số 1 và Cải tạo nút giao thông phía tây cầu Trần Thị Lý. Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2020, KBC đặt ra 2 kịch bản (1) Phương án khả quan: tổng doanh thu 3,200 tỷ đồng (tương đương 2019), lợi nhuận sau thuế 816 tỷ đồng (-21% yoy) (2) Phương án tích cực: doanh thu dự kiến 3,600 tỷ đồng (+12% yoy), lợi nhuận sau thuế 1,000 tỷ đồng (-4% yoy). Nguồn vốn: tập đoàn dự kiến vay tín dụng hoặc phát hành trái phiếu khoảng 1,500 – 2,000 tỷ đồng để đầu tư các dự án cũ, mới và bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
Express SJS 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 22000 Catalyst: Tổng Công ty Sông Đà có kế hoạch thoái toàn bộ vốn tại SJS. Công ty cho biết hiện đang triển khai rất tích cực, tuy nhiên tại ĐHCĐ không chia sẻ thêm thông tin chi tiết. Theo như chia sẻ trong lần gặp trước đây thì thời điểm dự kiến hoàn tất thoái vốn là Q2/2020.
Express HT1 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 13450 ; Giá tại Publish 13700 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu thuần năm 2020 của HT1 đạt 8,387 tỷ đồng (-5.1% yoy) với giá định sản lượng xi măng tiêu thụ đạt 7 triệu tấn (-3% yoy), giá bán bình quân giảm 2% yoy. Giá định giá than giảm 7% yoy, điện (-1% yoy do chính sách hỗ trợ giá điện từ Chính phủ trong Q2/2020), giá các nguyên vật liệu khác giữ nguyên, biên LNG được dự báo giảm từ 17.7% về 16.9%. LNST đạt 692 tỷ (-6.5% yoy), tương đương với EPS = 1,632 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 10%).



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công

Trí

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn